

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG  
THUỶ LỢI LÂM ĐỒNG - LHC**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÓM TẮT  
NĂM 2009**

**I.A. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

(Áp dụng đối với các doanh nghiệp trong lĩnh vực sản xuất, chế biến, dịch vụ)

**ĐVT: Đồng Việt Nam**

STT	Nội dung	Số dư cuối kỳ	Số dư đầu kỳ
<b>I</b>	<b>Tài sản ngắn hạn</b>	<b>68.688.268.002</b>	<b>30.592.526.312</b>
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	23.358.259.286	2.244.189.925
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	—	1.000.000.000
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	41.162.063.791	22.228.317.112
4	Hàng tồn kho	2.525.444.948	4.439.686.879
5	Tài sản ngắn hạn khác	1.642.499.977	680.332.396
<b>II</b>	<b>Tài sản dài hạn</b>	<b>59.068.446.151</b>	<b>30.055.776.714</b>
1	Các khoản phải thu dài hạn	—	—
2	Tài sản cố định	36.487.551.249	25.928.220.812
	- Tài sản cố định hữu hình	34.287.551.249	23.728.220.812
	- Tài sản cố định thuê Tài chính	—	—
	- Tài sản cố định vô hình	2.200.000.000	2.200.000.000
	- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	—	—
3	Bất động sản đầu tư	—	—
4	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	22.580.894.902	4.127.555.902
5	Tài sản dài hạn khác	—	—
<b>III</b>	<b>Tổng cộng tài sản</b>	<b>127.756.714.153</b>	<b>60.648.303.026</b>
<b>IV</b>	<b>Nợ phải trả</b>	<b>69.416.805.571</b>	<b>29.195.403.686</b>
1	Nợ ngắn hạn	59.571.928.464	28.134.465.079
2	Nợ dài hạn	9.844.877.107	1.060.938.607
<b>V</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>58.339.908.583</b>	<b>31.452.899.340</b>
<b>1</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>58.182.846.347</b>	<b>31.192.542.104</b>
	- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	20.000.000.000	20.000.000.000
	- Thặng dư vốn cổ phần	12.447.352.500	11.277.850.000
	- Vốn khác của chủ sở hữu	—	—
	- Cổ phiếu quỹ	—	(8.628.148.000)
	- Chênh lệch đánh giá lại tài sản	—	—
	- Chênh lệch tỷ giá hối đoái	—	—
	- Các quỹ	7.903.240.104	7.903.240.104
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	17.832.253.743	639.600.000
	- Nguồn vốn đầu tư XDCB	—	—
<b>2</b>	<b>Nguồn kinh phí và các quỹ khác</b>	<b>157.062.236</b>	<b>260.357.236</b>
	- Quỹ khen thưởng, phúc lợi	157.062.236	260.357.236
	- Nguồn kinh phí sự nghiệp	—	—
	- Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	—	—
<b>VI</b>	<b>Tổng cộng nguồn vốn</b>	<b>127.756.714.154</b>	<b>60.648.303.026</b>

## II.A. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

(Áp dụng đối với các doanh nghiệp trong lĩnh vực sản xuất, chế biến, dịch vụ)

ĐVT: Đồng Việt Nam

STT	Chỉ tiêu	Năm 2009	Năm 2008
1	<b>Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ</b>	<b>114.615.527.601</b>	<b>48.817.948.225</b>
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	114.299.090	156.568.000
3	<b>Doanh thu thuần về bán hàng và CCDV</b>	<b>114.501.228.511</b>	<b>48.661.380.225</b>
4	Giá vốn hàng bán	89.172.113.044	43.381.637.443
5	<b>Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>25.329.115.467</b>	<b>5.279.742.782</b>
6	Doanh thu hoạt động tài chính	4.147.336.988	3.255.176.840
7	Chi phí tài chính	280.049.502	684.957.437
8	Chi phí bán hàng	-	-
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	6.538.830.153	3.249.316.185
10	<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>22.657.572.800</b>	<b>4.600.646.000</b>
11	Thu nhập khác	1.808.553.553	724.063.385
12	Chi phí khác	129.511.483	124.000.000
13	<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>1.679.042.070</b>	<b>600.063.385</b>
14	<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>24.336.614.870</b>	<b>5.200.709.385</b>
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.228.612.127	1.231.977.949
16	<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>20.108.002.743</b>	<b>3.968.731.436</b>
17	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	10.054	2.480
18	Cổ tức trên mỗi cổ phiếu	5.000	2.400

## III.A. CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CƠ BẢN

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kỳ báo cáo	Kỳ trước
1	<b>Cơ cấu tài sản</b>	%		
	- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản		46.24	49.56
	- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản		53.76	50.44
2	<b>Cơ cấu nguồn vốn</b>	%		
	- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn		54.34	48.14
	- Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn		45.66	51.86
3	<b>Khả năng thanh toán</b>	Lần		
	- Khả năng thanh toán nhanh		0.39	0.12
	- Khả năng thanh toán hiện hành		1.84	2.08
4	<b>Tỷ suất lợi nhuận</b>	%		
	- Tỷ suất LN sau thuế/ Tổng tài sản		15.74	6.54
	- Tỷ suất LN sau thuế/ Doanh thu thuần		17.56	8.16
	- Tỷ suất LN sau thuế / Nguồn vốn chủ sở hữu		34.47	12.62

Đà Lạt, Ngày 20 tháng 01 năm 2010

Giám đốc



Lê Đình Hiền